

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2018/HS-ST
Ngày 06-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN - TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Tấn Tài

Bà Nguyễn Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 226/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Văn S, sinh năm 1993 tại A; hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh A; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn P, sinh năm 1958 và bà Phan Thị B, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/7/2018, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1964; thường trú: Xã H, huyện C, tỉnh A, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1987; thường trú: Xã N, huyện Đ, tỉnh C, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1969; thường trú: Tổ 2, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 14/7/2018, Phan Văn S đi bộ ngang qua quán Cà phê 79S trên đường D20 thuộc khu dân cư Việt Sing, khu phố 4, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, S phát hiện xe mô tô biển số 69F1 – 203.94 màu đỏ đen của ông Phạm Văn H đang dừng cạnh quán Cà phê 79S, trên xe cắm sẵn chìa

khóa, không người trông giữ nên S lén lút lên xe nổ máy rồi điều khiển xe chạy về hướng ngã tư Đài Chiến Thắng thuộc khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh B. Tại đây, S thấy ông Phạm Văn H đang dừng xe gần đó nên S hỏi ông H có mua xe với giá 3.000.000 đồng hay không. Do xe không có giấy tờ xe, ông H nghi xe trộm cắp nên báo Công an phường T mời S về trụ sở làm việc, S khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên có Công văn số 1229 đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An tiếp nhận vụ việc, thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Thuận An ngày 19/7/2018 xác định: Xe mô tô 2 bánh biển số 69F1 – 203.94 nhãn hiệu Honda Wave Anpha màu đỏ đen, số khung: 242763, số máy: 5342836 có trị giá 6.300.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 239/CT-VKS-TA ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phan Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điểm s, i, h Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phan Văn S mức án từ 06 đến 08 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu, bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ trong vụ án là mô tô 2 bánh biển số 69F1 – 203.94 nhãn hiệu Honda Wave Anpha màu đỏ đen, số khung: 242763, số máy: 5342836, đã trả lại cho bị hại nên không đề nghị xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, rất hối hận về việc bị cáo đã làm, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình, làm lại cuộc đời.

Bị hại Phạm Văn H có đơn trình bày ý kiến như đã khai tại cơ quan điều tra, xin vắng mặt tại phiên tòa và xác định tài sản bị chiếm đoạt bị hại đã nhận lại, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đối với phần hình phạt của bị cáo, bị hại đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc T trình bày: Trước đây bà T đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 69F1 – 203.94, đến tháng 5/2018, bà T đã bán xe trên cho cửa hàng xe máy cũ. Hiện nay bà T không yêu cầu gì đối với xe trên và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Đối với ông Nguyễn Đức Q: Theo hợp đồng mua bán xe máy ngày 17/5/2018, thể hiện Cửa hàng xe cũ Thẩm Phát do ông Nguyễn Đức Q đại diện có bán cho ông Phạm Văn H xe mô tô 2 bánh biển số 69F1 – 203.94 với giá 8.000.000 đồng. Việc mua bán đã kết thúc. Quá trình điều tra xác minh Cửa hàng Thẩm Phát không còn kinh doanh tại địa chỉ trên và địa phương không biết cửa hàng dời đi đâu và kinh doanh gì. Do đó, Tòa án không đưa ông Q vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Thuận An, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 14/7/2018, tại đoạn đường D20 thuộc khu dân cư Việt Sing, khu phố 4, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, bị cáo Phan Văn S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 69F1 – 203.94 màu đỏ đen của bị hại Phạm Văn H, trị giá 6.300.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng truy tố bị cáo Phan Văn S với tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì tư lợi cá nhân bị cáo cố tình thực hiện, cho thấy thái độ xem thường pháp luật nên thấy cần phải có mức án nghiêm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại thuộc Điểm s, i, h, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị mức hình phạt 06 đến 08 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô 2 bánh biển số 69F1 – 203.94 nhãn hiệu Honda Wave Anpha màu đỏ đen qua điều tra xác định xe thuộc quyền sở hữu và quản lý của bị hại H. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An đã xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp Điểm b, Khoản 3, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1, Điều 173; Điểm i, h, s Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Điều 136, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phan Văn S 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 7 năm 2018.

2. Về xử lý vật chứng: Đã trả lại cho bị hại Phạm Văn H theo biên bản trả lại tài sản ngày 01/10/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An với bị hại Phạm Văn H.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bị cáo Phan Văn S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bị hại nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- Lưu: HS, THAHS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tố Uyên

